BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐƠN VỊ

BẢNG ĐĂNG KÝ NHU CẦU MUA SẮM TẬP TRUNG CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ NĂM 2018

TT	TÊN / MÃ THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN DỰ KIẾN	NGUỒN VỐN MUA SẮM	PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN	THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM GIAO HÀNG		GHI CHÚ
								THỜI GIAN	ĐỊA ĐIỂM	
a	b	c	d	e	f	g = e * f	h	i	j	k
I	**MÁY TÍNH ĐỂ BÀN**	**Bộ**	-		-					
1	MTĐB 1		-	9 000 000	-					
2	MTĐB 2		-	12 500 000	-					
3	MTĐB 3		-	13 500 000	-					
4	MTĐB 4		-	14 800 000	-					
5	MTĐB 5		-	16 500 000	-					
II	**MÁY TÍNH XÁCH TAY**	**Cái**	-		-					
1	MTXT 1		-	11 000 000	-					
2	MTXT 2		-	13 200 000	-					
3	MTXT 3		-	15 000 000	-					
4	MTXT 4		-	16 500 000	-					
III	**MÁY IN**	**Cái**	-		-					
1	MI 1		-	2 500 000	-					
2	MI 2		-	3 500 000	-					
3	MI 3		-	5 500 000	-					
4	MI 4		-	6 500 000	-					
5	MI 5		-	8 500 000	-					
6	MI 6		-	10 000 000	-					

TT	TÊN / MÃ THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN DỰ KIẾN	NGUỒN VỐN MUA SẮM	PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN	THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM GIAO HÀNG		GHI CHÚ
								THỜI GIAN	ĐỊA ĐIỂM	
a	b	c	d	e	f	g = e * f	h	i	j	k
IV	**MÁY CHIẾU**	**Cái**	-		-					
1	MC 1		-	17 000 000	-					
2	MC 2		-	26 500 000	-					
3	MC 3		-	32 500 000	-					
V	**MÁY PHOTOCOPY**	**Cái**	-		-					
1	PT 1		-	32 000 000	-					
2	PT 2		-	50 000 000	-					
3	PT 3		-	62 000 000	-					
4	PT 4		-	82 500 000	-					
5	PT 5		-	99 000 000	-					
VI	**ĐIỀU HOÀ NHIỆT ĐỘ**	**Bộ**	-		-					
VI.1	**ĐH treo tường**		-		-					
1	ĐHT 1		-	10 500 000	-					
2	ĐHT 2		-	13 800 000	-					
3	ĐHT 3		-	15 000 000	-					
4	ĐHT 4		-	18 200 000	-					
5	ĐHT 5		-	25 500 000	-					
6	ĐHT 6		-	30 000 000	-					
7	ĐHT 7		-	34 200 000	-					
8	ĐHT 8		-	37 500 000	-					

TT	TÊN / MÃ THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN DỰ KIẾN	NGUỒN VỐN MUA SẮM	PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN	THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM GIAO HÀNG		GHI CHÚ
								THỜI GIAN	ĐỊA ĐIỂM	
a	b	c	d	e	f	g = e * f	h	i	j	k
VI.2	**Điều hoà cây**		-		-					
1	ĐHC 1		-	31 500 000	-					
2	ĐHC 2		-	42 800 000	-					
3	ĐHC 3		-	48 430 000	-					
4	ĐHC 4		-	53 950 000	-					
VII	**MÁY FAX**	**Cái**	-		-					
1	MF 1		-	3 000 000	-					
2	MF 2		-	6 500 000	-					
3	MF 3		-	7 700 000	-					
TỔNG CỘNG					-					

……, ngày tháng năm 2018

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

LẬP BIỂU

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐỀ XUẤT

Danh mục tài sản: Máy tính để bàn

TT	MÃ	DANH MỤC HÀNG HOÁ / CẤU HÌNH	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ DỰ KIẾN
1	**MTĐB 1**	**Cấu hình 1. Máy tính để bàn**	**Bộ**	**9 000 000**
	Bộ vi xử lý	Intel® Pentium® Processor G4560 (3.50 GHz, 3M Cache)		
	Bộ nhớ trong	4GB DDR4 2400 MHz UDIMM		
	Dung lượng ổ cứng	500 GB 3.5-inch 7200 rpm		
	Cổng mạng LAN	Gigabit LAN		
	Card đồ họa	Intel HD Graphics		
	Bàn phím, chuột	USB Keyboard & Optical mouse		
	Khe cắm mở rộng	1 X PCI Express X16 Gen 3.0 slot(s) 1 X PCI Express X 1 Gen 2.0 slot(s)		
	Cổng vào ra	6x USB 2.0 port, 2 X USB3.0 port(s), 1x Audio jack 1x Microphone jack, 1x Audio port (Line Out/Line In/Mic In), 1xRJ-45 port, 1xHDMI port(s), 1xD-Sub (VGA) port(s)		
	Nguồn	240 W		
	Màn hình	Màn hình đồng bộ với máy tính kích thước 18.5" LED (16:9) Resolution: 1366 x 768 @ 60 Hz Response Time: 5ms Contrast Ratio: 100 million: 1 max Brightness : 200 cd/m2 Input signal : VGA Power supply : 100VAC-240VAC Colors: 16.7 million		
2	**MTĐB 2**	**Cấu hình 2. Máy tính để bàn**	**Bộ**	**12 500 000**
	Bộ vi xử lý:	Intel® Core™ i3-7100 Processor (3M Cache, 3.90 GHz)		
	Chipset	Intel® H110 Express Chipset		
	Bộ nhớ trong	4GB DDR4 Bus 2133Mhz (2 x DDR4 memory slots, support up to 32GB)		
	Khe cắm mở rộng	1 x PCIe 3.0 x16 slot 3 x PCIe 2.0 x1 slots		
	Dung lượng ổ cứng	500 GB SATA3 - 4x SATA 6Gb/s ports		
	Cổng vào ra	1 x VGA port, supports a maximum resolution of 2048x1536@50Hz, 2048x1280@60Hz, 1920x1200@60Hz 1 x DVI-D port, supports a maximum resolution of 1920x1200@60Hz 1x DisplayPort, supports a maximum resolution of 4096x2304@60Hz, 2560x1600@60Hz, 3840x2160@60Hz, 1920x1200@60Hz 1 x PS/2 mouse port 1 x PS/2 keyboard port 1 x VGA port 1 x DVI-D port 1 x DisplayPort 1 x LAN (RJ45) port 3 x audio jacks 4 x USB 3.1 Gen1 (SuperSpeed USB) ports (2 ports on the back panel, 2 ports available through the internal USB connector) 6 x USB 2.0 (High-speed USB) ports (2 ports on the back panel, 4 ports available through the internal USB connector)		
	Card âm thanh	Realtek® ALC887 Codec 7.1-Channel High Definition Audio		
	Cổng mạng LAN	Gigabit LAN controller		
	Tính năng đặc biệt	Báo hỏng linh kiện: CPU, RAM, VGA, HDD bằng đèn LED được tích hợp trên Mainboard Điều khiển tốc độ quạt thông minh Hỗ trợ PCI Express 3.0 Hỗ trợ SATA Express		
	Màn hình	18.5" LED		

TT	MÃ	DANH MỤC HÀNG HOÁ / CẤU HÌNH	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ DỰ KIẾN
	Nguồn	mATX w/500W		
	Bàn phím, chuột	USB Keyboard & Optical mouse		
	Phần mềm diệt Virus	Internet Security bản quyền		
3	**MTĐB 3**	**Cấu hình 3. Máy tính để bàn**	**Bộ**	**13 500 000**
	Bộ vi xử lý (CPU):	Intel® Core™ i3-7100 Processor (3M Cache, 3.90 GHz)		
	Bo mạch chính:	Chipset Intel H110 Express LGA1151 S/p Intel Core i7 + i5 + i3, 4 x DDR4 DIMM upto 64GB, VGA & Sound 08 Channel & Lan Gigabit onboard, 1 x Headphone, 1 x Microphone, 2 x PCIe (1 x PCI 16x; 1 x PCI 4x), 2 x PCI, 1 x Parallel port header, 1 x D-Sub, 1 x DVI-D, 1 x HDMI Connector, 1 x Display port, 2 x COM (1 x COM; 1 x COM port header) , 1 x PS/2, 12 USB (4 x USB 3.1, 8 x USB 2.0 ports), 4 x SATA 6.0 Gb/s Ports, 1 x SPDIF out header. (Đồng bộ với thương hiệu máy tính)		
	Bộ nhớ (Ram):	DDR4 4GB bus 2400 Mhz		
	Ổ cứng:	500GB SATA3 (7200 rpm)		
	Màn hình:	18.5" LED (Kính thước: 18.5", Độ phân giải: 1600 x 900,Thời gian đáp ứng: 5ms, Tỷ lệ tương phản động (DCR): 120.000.000:1, Góc nhìn: 170°/160°, Số màu hiển thị: 16.7M) (Đồng bộ với thương hiệu máy tính) - Màn hình sử dụng công nghệ ABI		
	Thùng máy và nguồn:	mATX front usb & audio with PSU 450W (Đồng bộ với thương hiệu máy tính)		
	Hệ điều hành:	Windows Pro bản quyền		
	Bàn phím (Keyboard):	Standard (Đồng bộ với thương hiệu máy tính)		
	Chuột (Mouse):	Optical Scroll (Đồng bộ với thương hiệu máy tính)		
		Sản xuất trên dây chuyền công nghiệp (ISO 9001:2015; ISO 14001:2015; OHSAS 18001:2007)		
4	**MTĐB 4**	**Cấu hình 4. Máy tính để bàn**	**Bộ**	**14 800 000**
	Bộ vi xử lý	Intel® Core i3-7100 Processor (3.90 GHz, 3M Cache)		
	Bộ nhớ trong	4GB DDR4 2400 MHz UDIMM		
	Dung lượng ổ cứng	1 TB 3.5-inch 7200 RPM		
	Công mạng LAN	Gigabit LAN		
	Card đồ hoạ	Intel HD Graphics		
	Bàn phím, chuột	USB Keyboard & Optical mouse		
	Khe cắm mở rộng	1 X PCI Express X16 Gen 3.0 slot(s) 1 X PCI Express X 1 Gen 2.0 slot(s)		
	Cổng vào ra	6x USB 2.0 port, 2 X USB3.0 port(s), 1x Audio jack 1x Microphone jack, 1x Audio port (Line Out/Line In/Mic In), 1xRJ-45 port, 1xHDMI port(s), 1xD-Sub (VGA) port(s)		
	Nguồn	240 W single-rail 12 V PFC		
	Hệ điều hành	Windows pro bản quyền		
	Màn hình	Màn hình đồng bộ với máy tính kích thước 19.5" LED (16:9) Resolution: 1366 x 768 @ 60 Hz Response Time: 5ms Contrast Ratio: 100 million:1 max Brightness : 200 cd/m2 Input signal : VGA Power supply : 100VAC-240VAC Colors: 16.7 million		
5	**MTĐB 5**	**Cấu hình 5. Máy tính để bàn**	**Bộ**	**16 500 000**
	Bộ vi xử lý	Intel Core™ i5-7400 Processor (3.0GHz, 6M Cache)		
	Bộ nhớ trong	4GB DDR4 2400 MHz UDIMM		

TT	MÃ	DANH MỤC HÀNG HOÁ / CẤU HÌNH	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ DỰ KIẾN
	Dung lượng ổ cứng	1 TB 3.5-inch 7200 RPM		
	Cổng mạng LAN	Gigabit LAN		
	Card đồ hoạ	Intel HD Graphics		
	Bàn phím, chuột	USB Keyboard & Optical mouse		
	Khe cắm mở rộng	1 X PCI Express X16 Gen 3.0 slot(s) 1 X PCI Express X 1 Gen 2.0 slot(s)		
	Cổng vào ra	6x USB 2.0 port, 2 X USB3.0 port(s), 1x Audio jack 1x Microphone jack, 1x Audio port (Line Out/Line In/Mic In), 1xRJ-45 port, 1xHDMI port(s), 1xD-Sub (VGA) port(s)		
	Nguồn	240 W single-rail 12 V PFC		
	Hệ điều hành	Windows pro bản quyền		
	Màn hình	Màn hình đồng bộ với máy tính kích thước 19.5" LED (16:9)		
		Resolution: 1366 x 768 @ 60 Hz Response Time: 5ms Contrast Ratio: 100 million:1 max Brightness: 200 cd/m2 Input signal: VGA Power supply: 100VAC - 240VAC Colors: 16.7 million		

(Đơn giá dự kiến đã bao gồm VAT và chi phí vận chuyển, lắp đặt, bàn giao thiết bị)

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐỀ XUẤT

Danh mục tài sản: Máy tính xách tay

TT	MÃ	DANH MỤC HÀNG HOÁ / CẤU HÌNH	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ DỰ KIẾN
1	**MTXT 1**	**Cấu hình 1. Máy tính xách tay**	**Cái**	**11 000 000**
	Bộ vi xử lý (CPU):	Intel® Core™ i3-6006U (2 GHz, 3 MB cache, 2 cores)		
	Bộ nhớ (Ram):	Bộ nhớ RAM: 4 GB DDR4-2133 SDRAM (1 x 4 GB)		
	Ổ cứng:	Dung lượng ổ cứng: 500 GB 5400 rpm SATA		
	Ổ đĩa quang:	DVD		
	Màn hình:	14" HD SVA display		
	Card màn hình:	Intel® HD Graphics		
	Tính năng khác:	Wireless, Webcam, HDMI, USB, Card reader		
2	**MTXT 2**	**Cấu hình 2. Máy tính xách tay**	**Cái**	**13 200 000**
	Bộ vi xử lý (CPU):	Intel® Core™ i3-7130U Processor 3M Cache, 2.70 GHz		
	Bộ nhớ (Ram):	4GB DDR4 SDRAM upgradable to 32 GB		
	Ổ cứng:	500 GB 2.5-inch 5400 rpm		
	Ổ đĩa quang:	8X DVD-Writer double-layer drive		
	Hệ điều hành	Windows bản quyền		
	Màn hình:	14" HD 1366 x 768 resolution ComfyViewTM LED-backlit TFT LCD 16:9 aspect ratio Ultra-slim design		
	Card đồ họa:	Intel® HD Graphics 620		
	In/Out:	Two USB 3.0 ports with one featuring power-off USB charging USB 2.0 port SDTM Card reader Ethernet (RJ-45) port HDMI® port with HDCP support External display (VGA) port 3.5 mm headphone/speaker jack, supporting headsets with built-in microphone		
	LAN/Interne:	Kết nối không dây : • Intel® Dual Band Wireless-AC, 802.11ac/a/b/g/n wireless LAN • Bluetooth® 4.0 1 Kết nối LAN • Gigabit Ethernet, Wake-on-LAN ready		
	Camera:	HD camera with: • 1280 x 720 resolution • 720p HD audio/video recording • High dynamic range imaging (HDR)		
	Nguồn cung cấp:	3-pin 45 W AC adapter:		
	Pin:	41.4 Wh 2800 mAh 14.8 V 4-cell Li-ion battery Up to 9 hours		
3	**MTXT 3**	**Cấu hình 3. Máy tính xách tay**	**Cái**	**15 000 000**
	Bộ vi xử lý (CPU):	Intel® Core™ i5-7200U Processor 3M Cache, up to 3.10 GHz		
	Bộ nhớ (Ram):	4GB DDR4 SDRAM upgradable to 32 GB using two soDIMM modules		
	Ổ cứng:	500 GB 2.5-inch 5400 rpm		
	Ổ đĩa quang:	8X DVD-Writer double-layer drive:		
	Hệ điều hành	Windows bản quyền		
	Màn hình:	14" HD 1366 x 768 resolution ComfyViewTM LED-backlit TFT LCD16:9 aspect ratio Ultra-slim design		
	Card đồ họa:	Intel® HD Graphics 620		
	In/Out:	Các cổng vào ra: Two USB 3.0 ports with one featuring power-off USB charging USB 2.0 port SDTM Card reader Ethernet (RJ-45) port HDMI®port with HDCP support External display (VGA) port 3.5 mm headphone/speaker jack, supporting headsets with built-in microphone		

TT	MÃ	DANH MỤC HÀNG HOÁ / CẤU HÌNH	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ DỰ KIẾN
	LAN/Interne:	Kết nối không dây : • Intel® Dual Band Wireless-AC, 802.11ac/a/b/g/n wireless LAN • Bluetooth® 4.0 1 Kết nối LAN • Gigabit Ethernet, Wake-on-LAN ready		
	Camera:	HD camera with: • 1280 x 720 resolution • 720p HD audio/video recording • High dynamic range imaging (HDR)		
	Nguồn cung cấp:	3-pin 45 W AC adapter:		
	Pin:	41.4 Wh 2800 mAh 14.8 V 4-cell Li-ion battery Up to 9 hours		
4	**MTXT 4**	**Cấu hình 4. Máy tính xách tay**	**Cái**	**16 500 000**
	Bộ vi xử lý (CPU):	Intel® Core™ i5-7200U Processor 3M Cache, up to 3.10 GHz		
	Bộ nhớ (Ram):	4GB DDR4 SDRAM upgradable to 32 GB using two soDIMM modules		
	Ổ cứng:	500 GB 2.5-inch 5400 RPM		
	Ổ đĩa quang:	8X DVD-Writer double-layer drive:		
	Hệ điều hành	Windows bản quyền		
	Màn hình:	15.6" HD 1366 x 768 resolution ComfyViewTM LED-backlit TFT LCD 16:9 aspect ratio Ultra-slim design		
	Card đồ họa:	Intel® HD Graphics 620		
	In/Out:	Các cổng vào ra: Two USB 3.0 ports with one featuring power-off USB charging USB 2.0 port SDTM Card reader Ethernet (RJ-45) port HDMI®port with HDCP support External display (VGA) port 3.5 mm headphone/speaker jack, supporting headsets with built-in microphone		
	LAN/Interne:	Kết nối không dây : • Intel® Dual Band Wireless-AC, 802.11ac/a/b/g/n wireless LAN • Bluetooth® 4.0 1 Kết nối LAN • Gigabit Ethernet, Wake-on-LAN ready		
	Camera:	HD camera with: • 1280 x 720 resolution • 720p HD audio/video recording • High dynamic range imaging (HDR)		
	Nguồn cung cấp:	3-pin 45 W AC adapter:		
	Pin:	41.4 Wh 2800 mAh 14.8 V 4-cell Li-ion battery Up to 9 hours		

(Đơn giá dự kiến đã bao gồm VAT và chi phí vận chuyển, lắp đặt, bàn giao thiết bị)

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐỀ XUẤT

Danh mục tài sản: Máy in

TT	MÃ	DANH MỤC HÀNG HOÁ / CẤU HÌNH	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ DỰ KIẾN
1	**MI 1**	**Cấu hình 1 Máy in laser**	**Cái**	**2 500 000**
		Khổ giấy: A4/Letter		
		Tốc độ in: 18 trang A4/ phút		
		In một mặt		
		Bộ nhớ: 8 MB		
		Bộ xử lý: 266 MHz		
		Độ phân giải: 600 x 600 x 2 dpi		
		Khay giấy vào 150 trang, khay giấy ra 100 trang		
		Kết nối: Hi-Speed USB 2.0		
		Nguồn điện: 220 to 240 VAC (+/- 10%). 50 Hz		
2	**MI 2**	**Cấu hình 2 Máy in laser**	**Cái**	**3 500 000**
		Kiểu in laser, Khổ giấy: A4/Letter		
		Tốc độ in: 12 trang A4/ phút		
		In một mặt		
		Bộ nhớ: 2MB		
		Độ phân giải: 600 x 600 dpi		
		Khay giấy vào 150 trang, khay giấy ra 100 trang		
		Kết nối: USB 2.0		
3	**MI 3**	**Cấu hình 4 Máy in laser**	**Cái**	**5 500 000**
		Máy in laser đơn sắc khổ A4 tích hợp đảo mặt, in mạng; in wifi		
		Công nghệ in ấn: In laser khổ A4		
		Tốc độ in: 26 trang/ phút		
		Tốc độ bản in đầu tối đa: 8.5 giây		
		Bộ nhớ: 64 MB		
		Bộ xử lý: 600 MHz		
		Công suất vận hành tối đa: 15,000 trang/ tháng		
		In hai mặt: tự động		
		Độ phân giải: 2400 x 600 dpi		
		Khay giấy (với giấy 80gms): Khay tiêu chuẩn: 250 tờ		
		Khay tay: 1 tờ		
		Khay giấy ra (với giấy 80gms): 150 tờ		
4	**MI 4**	**Cấu hình 3 Máy in laser**	**Cái**	**6 500 000**
		Công nghệ in Laser		
		Tốc độ in : 28 trang A4 /phút ; in hai mặt: 18 trang/phút		
		Bộ nhớ: 256MB		
		Bộ xử lý: 800 MHz		
		Khay nạp giấy 250 tờ, khay ưu tiên 10 tờ		
		Dung lượng giấy đầu vào: lên đến 260 tờ		
		Dung lượng giấy đầu ra: lên đến 150 tờ		
		Khổ giấy A4: A5: B5: A6		
		Thời gian in trang đầu: 6,7 giây		
		Công suất in: lên đến 30.000 trang		
		Độ phân giải: 1200 x 1200 dpi		
		Màn hình LED		
		Kết nối: 1 USB 2.0 Tốc độ Cao; 1 mạng Ethernet 10/100, Wireless		
		Điện áp đầu vào: 220 đến 240 VAC (+/- 10%), 60 Hz/50 Hz, 3,1 A		
5	**MI 5**	**Cấu hình 4 Máy in laser**	**Cái**	**8 500 000**
		Tính năng đặc biệt: In đảo mặt tự động; HP ePrint, Apple AirPrint		
		Bộ vi xử lý: 1200 Mhz		
		Bộ nhớ (tiêu chuẩn):128 Mb		

TT	MÃ	DANH MỤC HÀNG HOÁ / CẤU HÌNH	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ DỰ KIẾN
		Độ phân giải:1200x 1200 dpi		
		Tốc độ: 38 trang/ phút		
		Khay giấy (tiêu chuẩn): 100-250 tờ/ Khay ra: 150 tờ		
		Khổ giấy: A4; A5.		
		Kết nối: 1 Hi-Speed USB 2.0; 1 Host USB; 1 Gigabit Ethernet 10/100/1000T network		
		Nguồn: Đầu vào điện áp: 220-240 VAC (+/-10%), 50/60 Hz (+/-2 Hz) tiêu thụ: 591 watts (in ấn), 6,1 watts (sẵn sàng), 2.8 watts (ngủ), cách 0.6 watts (Auto-On/Auto-Off, thông qua kết nối USB), 0,1 watts (tắt)		
6	**MI 6**	**Cấu hình 5 Máy in laser**	**Cái**	**10 000 000**
		Tính năng đặc biệt: In đảo mặt tự động; HP ePrint, Apple AirPrint, Wirreless		
		Bộ vi xử lý: 1200 Mhz		
		Bộ nhớ (tiêu chuẩn): 128 Mb		
		Độ phân giải:1200x 1200 dpi		
		Tốc độ: 40 trang/ phút		
		Khay giấy (tiêu chuẩn): 100-250 tờ/ Khay ra: 150 tờ		
		Khổ giấy: A4; A5.		
		Kết nối: 1 Hi-Speed USB 2.0; 1 Host USB; 1 Gigabit Ethernet 10/100/1000T network; 1 Wireless 802.11b/g/n		
		Nguồn: Đầu vào điện áp: 220-240 VAC (+/-10%), 50/60 Hz (+/-2 Hz) tiêu thụ: 591 watts (in ấn), 6,1 watts (sẵn sàng), 2.8 watts (ngủ), cách 0.6 watts (Auto-On/Auto-Off, thông qua kết nối USB), 0,1 watts (tắt)		

(Đơn giá dự kiến đã bao gồm VAT và chi phí vận chuyển, lắp đặt, bàn giao thiết bị)

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐỀ XUẤT

Danh mục tài sản: Máy photocopy

TT	MÃ	DANH MỤC HÀNG HOÁ / CẤU HÌNH	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ DỰ KIẾN
1	**PT 1**	**Cấu hình 1. Máy photocopy**	**Bộ**	**32 000 000**
		Tốc độ Copy : 23 trang A4/phút		
		Khổ giấy : A5 - A3		
		Độ phân giải : 600 dpi		
		Copy liên tục : 1-999 tờ		
		Dải thu / Phóng : 25% - 400 %		
		Chức năng copy thẻ ID : Có		
		Chức năng copy N in 1 : Có		
		Chức năng copy và quay ảnh : Có		
		Chức năng tiết kiệm mực : Có		
		Điện áp nguồn : AC 200V - 50/60 Hz		
		Định lượng giấy : 60-216 g/m2		
		Thời gian khởi động máy tối đa: 19 giây		
		Thời gian chụp bản đầu tiên tối đa: 6.5 giây		
		Dung lượng cấp giấy : 01 Khay chuẩn x 250 tờ/khay ; Khay tay: 100 tờ/khay		
		Bộ nhớ chuẩn : 512 MB		
		Nạp và đảo bản gốc : Có sẵn , dung lượng 110 tờ		
		Tự động đảo mặt bản chụp : Có sẵn		
		Chức năng In Laser : Có sẵn		
		Tốc độ in: 23 trang A4/Phút đen trắng		
		Ngôn ngữ mô tả trang : HBPL (ngôn ngữ in dựa trên máy chủ)		
		Hệ điều hành : Windows XP, Windows Vista, Windows server 2008/2012		
		Độ phân giải in (Max) : 600 x 600 dpi		
		Cổng in kết nối USB2.0 , Enthernet 100BASE-TX/10 BASE-T		
		Chức năng Scan : Có sẵn		
		Chức năng scan Màu / Trắng đen : Có		
		Độ phân giải scan Max : BW : 600 x 600 dpi		
		Tốc độ scan (màu, trắng đen): 28 bản/phút		
		Giao diện kết nối scan: USB2.0 , Enthernet 100BASE-TX/10 BASE-T		
		Công suất tiêu thụ điện tối đa : 1.3KW		
2	**PT 2**	**Cấu hình 2. Máy photocopy**	**bộ**	**50 000 000**
		Tốc độ: 25 trang/phút		
		Bộ nạp và đảo bản gốc tự động		
		Bộ đảo bản sao		
		Bộ nhớ: 512 MB		
		Độ phân giải quét: 600x600 dpi		
		Độ phân giải in: 600x600 dpi		
		Thời gian khởi động: 9 giây		
		Thời gian chụp bản đầu tiên: 6.5 giây		
		Định lượng giấy: Chuẩn khay 1: 250 tờ , Khay tay: 100 tờ		
		Sức chứa khay giấy ra: 250 tờ		
		Nguồnđiện: AC220-240V +/- 10%,6A,50/60Hz phổ biến.		
		Chức năng in		
		Độ phân giải in: 600 x 600 dpi		
		Ngôn ngữ in: Chuẩn HBPL (Ngôn ngữ in tùy thuộc vào máy chủ)		
		Kết nối: Chuẩn: USB 2.0, Ethenrnet 100 BASE-TX/ 10 BASE – T		
		Chức năng quét		
		Tốc độ quét: Trắng đen: 28 trang/phút, Màu: 28 trang/ phút (200dpi)		
		Kết nối: USB 2.0, Ethenrnet 100BASE-TX/10 BASE – T		
		Độ phân giải: Đem trắng/ Màu : 600x600dpi, 400x400dpi, 300x300dpi, 200x200 dpi		
3	**PT 3**	**Cấu hình 3. Máy photocopy**	**Bộ**	**62 000 000**
		Chức năng cơ bản, chức năng sao chụp:		
		Màn hình : Màn hình điều khiển cảm ứng LCD màu - 7inch		

TT	MÃ	DANH MỤC HÀNG HOÁ / CẤU HÌNH	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ DỰ KIẾN
		Ngôn ngữ hiển thị trên màn hình : Tiếng Việt		
		Khổ giấy sao chụp: A3 – A5		
		Tốc độ copy: 25 trang A4/phút.		
		Bộ nhớ chuẩn: Chuẩn 4GB, tối đa 4GB		
		Bộ nạp và đảo bản gốc DADF: Có sẵn		
		Tự động đảo hai mặt bản sao (Duplex): Có sẵn		
		Độ phân giải Copy: 600 x 600dpi.		
		Khả năng phóng thu: Từ 25% - 400% (tăng giảm từng 1%).		
		Sao chụp liên tục: Từ 1 - 999 tờ.		
		Thời gian khởi động: 32 giây hoặc ít hơn (cấu hình DC)		
		Thời gian cho ra bản sao đầu tiên: 4.5 giây		
		Khay chứa giấy ngăn kéo: 500 tờ x 02 khay (định lượng 60 đến 256 gsm).		
		Khay giấy tay: 96 tờ (định lượng 60 đến 216gsm).		
		Kích thước: Rộng 590 x sâu 659 x cao 962 mm		
		Chức năng in laser đen trắng, in qua mạng:		
		Tốc độ in: 25 trang A4/phút		
		Độ phân giải in: Chuẩn: 600 x 600dpi (mặc định), Cao: 1200 x 1200dpi		
		In hai mặt tự động khổ giấy: A3 – A5.		
		Ngôn ngữ in: Chuẩn : PCL5, PCL6, Chọn thêm : Adobe® PostScript® 3TM		
		Cổng giao tiếp với máy tính: USB 2.0; RJ-45 (cổng mạng).		
		Chức năng Scan màu, Scan mạng:		
		Tốc độ scan: Trắng đen/Màu: 55ppm		
		Độ phân giải: 600 x 600 dpi, 400 x 400 dpi, 300 x 300 dpi, 200 x 200 dpi		
		Định dạng Scan: TIFF, JPEG, DocuWorks, PDF, XPS		
		Tính năng scan: Scan to Folder, Scan to PC/Server (using FTP/SMB protocol), Scan to Email		
4	**PT 4**	**Cấu hình 4. Máy photocopy**	**Bộ**	**82 500 000**
		Tốc độ Copy : 35 trang A4/phút		
		Khổ giấy : A5 - A3		
		Màn hình : Màn hình điều khiển cảm ứng LCD màu 7 inch		
		Ngôn ngữ hiển thị trên màn hình : Tiếng Việt		
		Khả năng phóng thu : Từ 25% - 400% (tăng giảm từng 1%)		
		Sao chụp liên tục : 1 - 999 tờ		
		Kích thước : Rộng 590 x sâu 659 x cao 962mm		
		Độ phân giải : 600 dpi		
		Định lượng giấy : 60-216 g/m2		
		Thời gian khởi động máy tối đa: 32 giây		
		Thời gian chụp bản đầu tiên tối đa: 4.5 giây		
		Dung lượng cấp giấy : 02 Khay chuẩn x 500 tờ/khay ; Khay tay: 96 tờ/khay		
		Bộ nhớ chuẩn : 4GB		
		Nạp và đảo bản gốc : Có sẵn , dung lượng 110 tờ		
		Tự động đảo mặt bản chụp : Có sẵn		
		Chức năng In Laser : Có sẵn		
		Tốc độ in: 35 trang A4/Phút		
		Cổng kết nối in : Ethernet 1000BASE-T / 100BASE-TX / 10BASE-T, USB2.0		
		Ngôn ngữ in: Chuẩn : PCL5, PCL6		
		Chức năng Scan : Có sẵn		
		Độ phân giải in : Chuẩn : 600 x 600 dpi (mặc định), Cao : 1200 x 1200 dpi		
		Tương thích hệ điều hành : Windows 2000/XP/Vista/7/server 2003/server 2008		
		In hai mặt tự động khổ giấy : A3 - A4		
		Tốc độ scan (màu, trắng đen): 55 bản/phút		
		Định dạng Scan: TIFF, JPEG, DocuWorks, PDF, XPS		
		Độ phân giải : 600 x 600 dpi, 400 x 400dpi, 300 x 300 dpi, 200 x 200 dpi		
		Giao diện scan chuẩn: Ethernet 1000BASE-T / 100BASE-TX / 10BASE-T		
		Scan tới: Folder, PC/Server (using FTP/SMB protocol), Email		
		Công suất tiêu thụ điện tối đa : 1.76KW		

TT	MÃ	DANH MỤC HÀNG HOÁ / CẤU HÌNH	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ DỰ KIẾN
5	**PT 5**	**Cấu hình 5. Máy photocopy**	**bộ**	**99 000 000**
		Chức năng Copy		
		- Tốc độ copy: 45 bản /phút		
		- Khổ giấy : A5/A4/A3 – Postcard – Envelope		
		- Độ phân giải: 600 x 600dpi		
		- Bộ nhớ: 4G		
		- Tỷ lệ thu/phóng: 25 % - 400%		
		- Sao chụp liên tục : 999 bản		
		- Bộ phận tự động nạp và đảo bản gốc		
		- Bộ phận tự động đảo bản sao		
		- Bộ phận tự động chia bản chụp điện tử		
		- Trữ lượng giấy: 500 tờ x 2 khay + 95 tờ cho Khay tay		
		*** Chức năng in:**		
		- Tốc độ (A4): 45 trang/phút		
		- Độ phân giải: Chuẩn: 600 x 600dpi (mặc định), Cao: 1200 x 1200dpi		
		- Ngôn ngữ in: Chuẩn: PCL5, PCL6; Chọn thêm: Adobe® PostScript® 3TM		
		- Cổng kết nối: Chuẩn: Ethernet 100BASE-TX/10BASE-T, USB2.0. Chọn thêm: 1000BASE-T		
		Chức năng quét Scanner (Scan màu)		
		Quét màu khổ A3. Độ phân giải: 600 x 600dpi.		
		Giao diện kết nối: Ethernet 100BASE-TX/10BASE-T, USB2.0. Scan to Folde/PC/Sever(Giao thức FTP/SMB).		

(Đơn giá dự kiến đã bao gồm VAT và chi phí vận chuyển, lắp đặt, bàn giao thiết bị)

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐỀ XUẤT

Danh mục tài sản: Máy chiếu

TT	MÃ	DANH MỤC HÀNG HOÁ / CẤU HÌNH	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ DỰ KIẾN
1	**MC 1**	**Cấu hình 1. Máy chiếu đa năng**	**bộ**	**17 000 000**
		Công nghệ: DLP		
		Độ phân giải / Resolution: XGA (1,024 x 768) Maximum WUXGA (1,920 x 1,200)		
		Độ sáng / Brightness: 3,600 ANSI Lumens (Standard), 2,880ANSI Lumens (ECO)		
		Tỷ lệ khung hình / Aspect ratio: 4:3 (Native), 16:9 (Supported)		
		độ tương phản / Contrast ratio: Dynamic Black 20,000 : 1		
		Tỷ lệ phóng / throw ratio: 1.96 ~ 2.15 (50" @ 2 m)		
		Ống kính / Projection lens: F = 2.56 ~ 2.68, f = 22.0 mm ~ 24.1 mm Manual Zoom and Manual Focus		
		Hiệu chỉnh méo / Keystone correction: +/-40° (Vertical, Manual)		
		Tuổi thọ bóng đèn / Lamp life: 5,000 Hours (Standard), 10,000 Hours (ECO), 15,000 Hours (ExtremeEco)		
		Độ ồn / Noise level: 30 dBA (Standard), 26 dBA (ECO)		
		Các cổng vào / Input interface: Analog RGB/Component Video (D-sub) x 1 Composite Video (RCA) x 1 HDMI (Video, Audio, HDCP) x 1 PC Audio (Stereo mini jack) x 1		
		Các cổng ra / Output interface: Analog RGB (D-sub) x 1 PC Audio (Stereo mini jack) x 1		
		Các cổng điều khiển / control; USB Ctrl (Mini-B) x 1 RS232 (D-sub) x 1		
		Màn hình hiển thị: • Công nghệ chống ánh sáng xanh / Acer Bluelight Shield • Công nghệ cảm nhận ánh sáng / Acer LumiSense • Công nghệ tăng độ sắc nét / Acer ColorBoost3D • Công nghệ hình ảnh mịn / Acer ColorSafe II Enhanced usability • 3W built-in speaker • AC power on • Instant resume • Acer SmartFormat Installation flexibility • 40-degree keystone correction • Touch display		
		2 năm với thân máy / 1000h với bóng đèn		
2	**MC 2**	**Cấu hình 2. Máy chiếu đa năng**	**bộ**	**26 500 000**
		Công nghệ: 3LCD		
		Kích thước vùng hiển thị hiệu quả của thiết bị hiển thị: 0.63'' tỷ lệ 4:3		
		Độ phân giải: XGA (1024 x768), Max UXGA (1600x1200)		
		Cường độ sáng: 3700 Ansi lumens		
		Độ tương phản: 16000:1		
		Kích thước hiển thị (Screen size): 30-300 inches		
		Chỉnh méo hình thang: Tự động theo chiều ngang, bằng tay theo chiều dọc		
		Loa tích hợp sẵn trong máy: 16Wx1		
		Zoom quang (Manual Zoom): 1.2X		
		Độ ồn: 29 dB		
		Bóng đèn: 225W		
		Tuổi thọ bóng đèn: Lên đến 10000 giờ		
		Cổng kết nối:		
		HDMI: HDMI x 2		
		Computer: 15-pin Mini-Dsub x 2 (Cổng VGA in 2 chia sẻ với VGA out)		

TT	MÃ	DANH MỤC HÀNG HOÁ / CẤU HÌNH	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ DỰ KIẾN
		Video: Composite video: RCA jack x 1		
		Audio: 3.5 mm stereo mini jack x 2, RCA jack (L/R) x 1		
		Microphone: 3.5 mm mono mini jack x 1		
		Monitor: 15-pin Mini-Dsub x 1		
		Audio: 3.5 mm stereo mini jack x 1		
		USB:Type A x 2 (PC-less presentation, wireless adapter) Type B x 1 (USB display or mouse control)		
		Control: D-sub 9-pin x 1 (RS-232 control)		
		Wired network (LAN): RJ-45 x 1		
		Nguồn điện/ công suất tiêu thụ: AC100-120V, 50/60Hz :330W / AC220-240V, 50/60Hz: 310W		
		Công suất tiêu thụ ở chế độ stanby: 0.5W		
		Nhiệt độ hoạt động/ độ ẩm cho phép (in door): 5-35^{0}C/ 20-80% RH		
		Các tính năng nổi bật:		
		Chức năng tinh chỉnh méo hình ảnh (perfect fit).		
		Trình chiếu từ *USB* (storage), không cần PC		
		Trình chiếu không dây IEEE802.11b/g/n		
		Chức năng trình chiếu qua mạng LAN, qua dây USB		
		Gửi thông báo lỗi, tình trạng máy cho người quản trị thiết bị qua Email để xử lý.		
		Tự động chỉnh vuông hình theo chiều dọc		
		Dải tương phản động cao (HDCR) và cho phép điều chỉnh		
		Tính năng Accentualizer		
		Tính năng Intelligent Eco Mode		
		Bảo hành: 24 tháng cho thân máy, 1000 giờ hoặc 12 tháng cho bóng đèn tùy điều kiện đến trước		
3	**MC 3**	**Cấu hình 3. Máy chiếu đa năng**	**bộ**	**32 500 000**
		Công nghệ: 3LCD		
		Kích thước vùng hiển thị hiệu quả của thiết bị hiển thị: 0.63" tỷ lệ 4:3		
		Độ phân giải: XGA (1024 x768), Max UXGA (1600x1200)		
		Cường độ sáng: 4200 Ansi lumens		
		Độ tương phản: 10000:1		
		Kích thước hiển thị (Screen size): 30-300 inches		
		Chỉnh méo hình thang: Tự động theo chiều ngang, bằng tay theo chiều dọc		
		Loa tích hợp sẵn trong máy: 16Wx1		
		Zoom quang (Manual Zoom): 1.2X		
		Độ ồn: 29 dB		
		Bóng đèn: 225W		
		Tuổi thọ bóng đèn: Lên đến 10000 giờ		
		Cổng kết nối:		
		HDMI: HDMI x 2		
		Computer: 15-pin Mini-Dsub x 2 (Cổng VGA in 2 chia sẻ với VGA out)		
		Video: Composite video: RCA jack x 1		
		Audio: 3.5 mm stereo mini jack x 2, RCA jack (L/R) x 1		
		Microphone: 3.5 mm mono mini jack x 1		
		Monitor: 15-pin Mini-Dsub x 1		
		Audio: 3.5 mm stereo mini jack x 1		
		USB:Type A x 2 (PC-less presentation, wireless adapter) Type B x 1 (USB display or mouse control)		
		Control: D-sub 9-pin x 1 (RS-232 control)		
		Wired network (LAN): RJ-45 x 1		
		Nguồn điện/ công suất tiêu thụ: AC100-120V, 50/60Hz :330W / AC220-240V, 50/60Hz: 310W		
		Công suất tiêu thụ ở chế độ stanby: 0.5W		
		Nhiệt độ hoạt động/ độ ẩm cho phép (in door): 5-35^{0}C/ 20-80% RH		
		Các tính năng nổi bật:		
		Chức năng tinh chỉnh méo hình ảnh (perfect fit)		
		Trình chiếu từ *USB* (storage), không cần PC		

TT	MÃ	DANH MỤC HÀNG HOÁ / CẤU HÌNH	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ DỰ KIẾN
		Trình chiếu không dây IEEE802.11b/g/n		
		Chức năng trình chiếu qua mạng LAN, qua dây USB		
		Tính năng Accentualizer		
		Tính năng Intelligent Eco Mode		
		Xuất xứ: Trung Quốc		
		Bảo hành: 24 tháng cho thân máy, 1000 giờ hoặc 12 tháng cho bóng đèn tùy điều kiện đến trước		

(Đơn giá dự kiến đã bao gồm VAT và chi phí vận chuyển, lắp đặt, bàn giao thiết bị)

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐỀ XUẤT

Danh mục tài sản: Máy điều hòa nhiệt độ

TT	MÃ	DANH MỤC HÀNG HOÁ / CẤU HÌNH	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ DỰ KIẾN
A		**ĐIỀU HOÀ TREO TƯỜNG**		
1	ĐHT 1	**Cấu hình 1: Điều hòa treo tường 9000 BTU 1 Inverter**	Bộ	10 500 000
		Công suất làm lạnh: 2.65kW/ 9.000 Btu/h		
		Điện nguồn: 220-240V/1P/50Hz		
		Cường độ dòng điện: 3.6A		
		Công suất điện tiêu thụ: 825 W		
		Dàn lạnh: Lưu lượng gió (cao): 9.6 (339) (m3/min(cfm))		
		Độ ồn Cao/Thấp dB (A) 37/28		
		Dàn nóng: Độ ồn: 50 dB (A)		
2	ĐHT 2	**Cấu hình 2: Điều hòa treo tường 9000 BTU 2 chiều Inverter**	Bộ	13 800 000
		Công suất lạnh: 8500 (Btu/h)/2.50 kW		
		Công suất sưởi: 8500 (Btu/h)/2.50 kW		
		Điện nguồn: 1 pha, 220- 240V, 50Hz/1pha, 220-230V, 60Hz		
		Dàn lạnh: Lưu lượng gió (lạnh/ sưởi): 9.0(318) (m3/min)/ 9.0(318) (cfm)		
		Độ ồn (cao/ thấp/ trung bình):		
		Lạnh: 40/29/25dB(A)		
		Sưởi: 40/30/27 dB(A)		
		Dàn nóng (lạnh/ sưởi): 48 (H)/ 48(H) dB(A)		
3	ĐHT 3	**Cấu hình 3: Điều hòa treo tường 12000 BTU 1 chiều**	bộ	15 000 000
		Công suất làm lạnh: 11.100 Btu/h/1.5hp		
		Điện nguồn: 220-240V/1P/50Hz		
		Cường độ dòng điện: 5.0A		
		Công suất điện tiêu thụ: 1070 W		
		Dàn lạnh: lưu thông gió: 594 m3/h		
		Độ ồn (cao/ t.bình/ thấp): 39/33dB/A		
		Dàn nóng : 51dB(A)		
		Bộ điều khiển từ xa: Loại không dây		
4	ĐHT 4	**Cấu hình 4: Điều hòa treo tường 12000BTU 2 chiều Inverter**	bộ	18 200 000
		Công suất Lạnh/ Sưởi : 11.900/11.900 BTU		
		Điện nguồn: 220-240V/1P/50Hz		
		Công suất điện tiêu thụ: Lạnh: 990(250-1.320)W/ Sưởi:990(250-1.320)W		
		Dòng điện định mức (lạnh/sưởi): 4.6/4.6A		
		Dàn lạnh:		
		Lưu thông gió (cao /t.bình/thấp): 10.8 (381) m3/min		
		Độ ồn (cao/t.bình/ thấp): 41/30/26 dB(A)		
		Dàn nóng :		
		Độ ồn (cao): 52dB(A)		
		Loại môi chất(Ga lạnh) R32		
		Bộ điều khiển từ xa: Loại không dây		
5	ĐHT 5	**Cấu hình 5: Điều hòa 180000 1 chiều Inverter**	bộ	25 500 000
		Công suất làm lạnh: 18000 Btu/h		
		Điện nguồn: 220-240V/1P/50Hz		
		Cường độ dòng điện: 7.0A		
		Công suất điện tiêu thụ: 1510 W		
		Dàn lạnh: Lưu lượng gió (cao): 18 (m3/min)		
		Độ ồn dàn lạnh Cao/ Trung bình/ Thấp/ Yên tĩnh dB(A) 42/37/34/29		
		Dàn nóng: Độ ồn : 52 dB(A)		

TT	MÃ	DANH MỤC HÀNG HOÁ / CẤU HÌNH	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ DỰ KIẾN
6	**ĐHT 6**	**Cấu hình 6: Điều hòa treo tường 18000BTU 2 chiều Inverter**	**bộ**	**30 000 000**
		Công suất lạnh: 17700(Btu/h)/5.0 kW		
		Công suất sưởi: 17700(Btu/h)/5.0 kW		
		Điện nguồn: 1 pha , 220- 240V, 50Hz/1pha, 220-230V, 60Hz		
		Dàn lạnh: Lưu lượng gió (lạnh/ sưởi): 18.15(641) (m3/min) / 15.8 (558) (cfm)		
		Độ ồn (cao/ thấp/ trung bình):		
		Lạnh : 44/35/28dB(A)		
		Sưởi: 44/35/32 dB(A)		
		Dàn nóng cao/ thấp (lạnh/ sưởi) : 47/44 (H)/ 48/45(H) dB(A)		
7	**ĐHT 7**	**Cấu hình 7: Điều hòa treo tường 24.000BTU 1 chiều Inverter**	**bộ**	**34 200 000**
		Công suất lạnh: 21.500(Btu/h)		
		Điện nguồn: 1 pha , 220- 240V, 50Hz/1pha,		
		Cường độ dòng điện: Lạnh: 8,9A		
		Dàn lạnh: Lưu lượng gió :20m3/min		
		Độ ồn(cao/ thấp/ trung bình):		
		Lạnh : 44/38/34/291 dB(A)		
		Dàn nóng cao/ thấp : 53 dB(A)		
8	**ĐHT 8**	**Cấu hình 8: Điều hòa treo tường 24.000BTU 2 chiều Inverter**	**bộ**	**37 500 000**
		Công suất lạnh: 24.000(Btu/h)/7.034 kW		
		Điện nguồn: 1 pha , 220- 240V, 50Hz/1pha,		
		Cường độ dòng điện: Lạnh: 10.4A/ Sưởi: 10.4A		
		Dàn lạnh: Lưu lượng gió (lạnh/ sưởi): 19.5m3/min		
		Độ ồn(cao/ thấp/ trung bình):44/41/37/28		
		Lạnh : 44/41/37/28 dB(A)		
		Sưởi: 44/41/37/28 dB(A)		
		Dàn nóng: 55dB(A)		
B	**ĐIỀU HOÀ TỦ ĐỨNG**			
1	**ĐHC 1**	**Cấu hình 1: Điều hòa tủ đứng 28000 BTU 1 chiều**	**bộ**	**31 500 000**
		Công suất lạnh: 27000 (Btu/h): 3HP		
		Điện nguồn: 220-240V/1P/50Hz		
		Điện năng tiêu thụ(lạnh/ sưởi): 2870W		
		Dòng điện định mức(lạnh/sưởi): 13A		
		Khử ẩm : 2.7 L/h		
		Dàn lạnh: lưu thông gió (cao): 15-19m3/min		
		Độ ồn (cao/thấp): 47/41dB(A)		
		Dàn nóng : Độ ồn: 58dB(A)		
		Bộ điều khiển từ xa: Loại không dây		
2	**ĐHC 2**	**Cấu hình 2: Điều hòa tủ đứng 28000 BTU 2 chiều**	**bộ**	**42 800 000**
		Công suất lạnh/ sưởi: 28000(Btu/h)		
		Điện nguồn: 220-240V/1P/50Hz		
		Điện năng tiêu thụ(lạnh/ sưởi): 8.06 kW		
		Độ ồn(cao/thấp): 44/42/39 dB/A		
		Dàn nóng : Độ ồn: 58dB(A)		
		Loại môi chất (Ga lạnh) R410A		
3	**ĐHC 3**	**Cấu hình 3: Điều hòa tủ đứng 36000 BTU 1 chiều**	**bộ**	**48 430 000**
		Công suất lạnh: 34.100(Btu/h): 4HP		
		Điện nguồn: 220-240V/1P/50Hz		
		Điện năng tiêu thụ: 3280W		
		Dòng điện định mức: 14.9A		

TT	MÃ	DANH MỤC HÀNG HOÁ / CẤU HÌNH	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ DỰ KIẾN
		Khử ẩm: 3.0 L/h		
		Dàn lạnh: lưu thông gió (cao/trung bình/thấp): 1680/1500/1320m3/h		
		Độ ồn(cao/trung bình/thấp): 43/41/38 dB/A		
		Dàn nóng : Độ ồn: 48/44dB (A)		
		Loại môi chất (Ga lạnh) R410a		
		Bộ điều khiển từ xa: Loại không dây		
4	**ĐHC 4**	**Cấu hình 4: Điều hòa tủ đứng 36000 BTU 2 chiều**	**bộ**	**53 950 000**
		Nguồn điện: 220-240v, 1 pha, 50hz (V1) 380-415v, 3 pha, 50hz (Y1)		
		Công suất lạnh 34100 Btu/h ~4HP		
		Công suất sưởi 38200 Btu/h ~4HP		
		Lưu lượng gió (cao/trung bình / thấp) 28/25/22 m3/phút		
		Kích thước Dàn lạnh (CxRxS): 1.850x600x350 Dàn nóng (CxRxS) : 990x940x320		
		Trọng lượng Dàn lạnh: 47 Kg - Dàn nóng: 75 Kg		
		Kích thước ống nước xả uPVC - D27 (Có cách nhiệt)		
		Loại Gas R410A		
		Chiều dài đường ống tối đa 75m		
		Chênh lệch độ cao tối đa 30m		
		Phụ kiện lắp đặt điều hòa treo tường (tham khảo)		
		Loại 9000 - 12000 BTU (Khối lượng tạm tính cho 1 máy) khối lượng tùy thực tế triển khai		**680 000**
		Ống đồng (ống f 6/12 và 6/16 dầy 0.7mm)		178 000
		Vải bọc bảo ôn (Băng quấn)		18 000
		Ống nước thải f21		12 000
		Dây điện 2x1.5mm và 2x2.5mm		22 000
		Át tô mát 2P - 20A có chụp nhựa		100 000
		Giá treo V5 sơ chống rỉ		100 000
		Gen 20x10mm		20 000
		Vật tư phụ thi công đai vít, băng dính, băng quấn bảo ôn...		230 000
		Loại 18000 - 24000 BTU (Khối lượng tạm tính cho 1 máy) khối lượng tùy thực tế triển khai		**986 500**
		Ống đồng (ống f 6/12 và 6/16 dầy 0.7mm) + bảo ôn		249 000
		Vải bọc bảo ôn (Băng quấn)		20 000
		Ống nước thải f21		12 000
		Dây điện 2x4mm và 2x1.5mm		26 000
		Át tô mát 2P - 30A có chụp nhựa		150 000
		Giá treo V5 sơ chống rỉ		260 000
		Gen 20x10mm		19 500
		Vật tư phụ thi công đai vít, băng dính, băng quấn bảo ôn...		250 000

(Đơn giá dự kiến đã bao gồm VAT và chi phí vận chuyển, công lắp đặt; không bao gồm vật tư, phụ kiện lắp đặt)

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐỀ XUẤT

Danh mục tài sản: Máy Fax

TT	MÃ	DANH MỤC HÀNG HOÁ / CẤU HÌNH	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ DỰ KIẾN
1	**MF 1**	**Cấu hình 1 Máy Fax**	**Cái**	**3 000 000**
		Khả năng tương thích: ITU-T G3		
		Khổ giấy: A4		
		Độ quét rộng: 208 mm		
		Độ phân giải: Standard/fine/super fine/photo		
		Halftone: 64 levels		
		Tốc độ modem: 9.6 kbps		
		Tốc độ truyền: khoản 12 sec/trang		
		Hệ thống nén: MH, MR, MMR		
		Bộ nhớ tài liệu: tối đa 28 trang		
		Phương pháp in: Truyền nhiệt trên giấy thường		
		Mực Film: 70 m (10 m included film)		
		Dung lượng giấy: tối đa 50 tờ (75 g/m2 paper)		
		Tự động nạp tài liệu: tối đa 10 tờ		
		Chế độ quay số: Tone (DTMF)/pulse		
		Bộ nhớ quay số: 106 số điện thoại có tên		
		Nguồn điện: AC 220 - 240V, 50/60 Hz		
2	**MF 2**	**Cấu hình 2 Máy Fax**	**Cái**	**6 500 000**
		- Máy Fax laser siêu nét: 600dpi.		
		- Fax liên tục 20 bản,.		
		- Tốc độ in: 12 trang/ Phút		
		- Khay nạp giấy 250 trang.		
		- Lưu được 170 trang khi hết mực /giấy.		
		- Lưu được 120 trang khi truyền fax.		
		- Tốc độ gửi fax 8 giây/ trang.		
		- Gửi 1 nội dung đến 20 địa chỉ khác nhau.		
		- Sử dụng hộp mực catridge		
		- Nguồn: AC 220V-240, 50/60 Hz		
3	**MF 3**	**Cấu hình 3 Máy Fax**	**Cái**	**7 700 000**
		- Máy Fax laser siêu nét: 600dpi.		
		- Có 122 bộ nhớ.		
		- Fax liên tục 20 bản,.		
		- Tốc độ Modem: 14.4 kbps with automatic fallback		
		- Tốc độ in: 14 trang/ Phút		
		- Khay nạp giấy 250 trang.		
		- Lưu được 170 trang khi hết mực /giấy.		
		- Lưu được 120 trang khi truyền fax.		
		- Tốc độ gửi fax 8 giây/ trang.		
		- Gửi 1 nội dung đến 20 địa chỉ khác nhau.		
		- Sử dụng hộp mực catridge		
		- Copy phóng to 200%, thu nhỏ 50%.		
		- Nguồn: AC 220V-240, 50/60 Hz		

(Đơn giá dự kiến đã bao gồm VAT và chi phí vận chuyển, lắp đặt, bàn giao thiết bị)